



# Cẩm nang hướng dẫn xuất khẩu vào thị trường **Nhật Bản** cho **quả vải**

Tokyo, tháng 3 năm 2020

# MỤC LỤC

Phần 1. Giới thiệu quả vải thiều Việt Nam	2
1.1. Nguồn gốc quả vải thiều Việt Nam	2
1.2. Nhận dạng các giống vải thiều chính	3
1.3. Những tác dụng của quả vải đối với sức khỏe	4
Phần 2. Tình hình sản xuất, tiêu thụ quả vải Việt Nam	5
2.1. Tình hình sản xuất, xuất khẩu quả vải trên thế giới	5
2.2. Các vùng trồng vải của Việt Nam	5
Phần 3. Tình hình nhập khẩu quả vải tươi vào Nhật Bản	6
3.1. Tình hình sản xuất quả vải ở Nhật Bản	6
3.2. Tình hình nhập khẩu quả vải tươi vào Nhật Bản	7
Phần 4. Yêu cầu đối với quả vải thiều tươi xuất khẩu sang Nhật Bản	8
4.1. Yêu cầu về vườn trồng	9
4.2. Yêu cầu chi tiết về kiểm dịch thực vật đối với quả vải thiều tươi xuất khẩu	9
Phần 5. Quy định nhập khẩu rau và trái cây vào Nhật Bản	10
5.1. Luật điều chỉnh việc nhập khẩu rau, trái cây vào Nhật Bản	10
5.2. Quy trình nhập khẩu rau và trái cây tại Nhật Bản	11
5.3. Hệ thống kênh phân phối rau và trái cây tại thị trường Nhật Bản	13
5.4. Một số vấn đề cần quan tâm đối với mặt hàng rau và trái cây khi thâm nhập vào thị trường Nhật Bản	14
5.5. Danh sách các triển lãm tại Nhật Bản giới thiệu sản phẩm nông sản, thực phẩm	16
PHỤ LỤC I	17
PHỤ LỤC 2	42

ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN  
THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN

# Cẩm nang hướng dẫn xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản cho quả vải

*Tokyo, tháng 3 năm 2020*

## Phần 1. Giới thiệu quả vải thiều Việt Nam

### 1.1. Nguồn gốc quả vải thiều Việt Nam

Trong những năm cuối thế kỷ 19 hoặc đầu thế kỷ 20, cụ Hoàng Văn Thành (sinh năm 1848 tại Thanh Hà, Hải Dương) từng làm phu khuôn vác ở cảng Hải Phòng. Thấy mấy người lái buôn Trung Quốc quê ở Thiều Châu ăn quả vải rồi vứt hạt đi, cụ Thành đã nhặt được 6 hạt, đem về quê ươm giống và mọc được 3 cây. Sau đó 2 cây chết chỉ còn 1 cây, và đó chính là cây vải thiều đầu tiên ở Việt Nam. Rồi từ đó các thế hệ sau chiết cành ra để trồng thêm, số cây vải và số vườn vải càng ngày càng tăng. Con cháu nhớ ơn cụ Thành nên đã xây dựng miếu thờ cụ bên cạnh cây vải tổ. Vì có nguồn gốc như thế nên giống vải ở Hải Dương có tên là vải thiều.

Cây vải tổ hiện nay vẫn còn và đang thuộc quyền sở hữu của cụ Hoàng Văn Thu (cháu nội cụ Thành), sinh năm 1930 ở thôn Thuý Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.



Hình ảnh cây vải thiều tổ ở huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Giống vải được ưa chuộng nhất ở Việt Nam là vải thiều chính gốc trồng tại khu vực huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Quả thu hoạch từ các cây vải trồng trong khu vực này thông thường có hương vị thơm và ngọt hơn vải được trồng ở các khu vực khác (mặc dù cũng lấy giống từ đây).

Ngày nay, vải thiều được nhân giống sang một số nơi khác trên cả nước như Lục Ngạn Bắc Giang, Chí Linh Hải Dương và nhiều địa phương khác.

## 1.2. Nhận dạng các giống vải thiều chính

### (Vải thiều Thanh Hà, Hải Dương)

Vải thiều Thanh Hà có vị ngọt lịm và thanh mát. Vải thiều Thanh Hà là loại vải có kích thước bé nhất trong các giống vải hiện nay. Kích thước của các quả vải thông thường chỉ bằng ngón chân cái. Vỏ khá nhẵn, có thể kiểm tra bằng mắt hoặc dùng tay sờ lên vỏ. Khi chín, Vải thiều Thanh Hà có màu hồng nhạt. Cùi dày, trắng mọng, hạt nhỏ cũng là những đặc điểm điển hình của vải thiều Thanh Hà. Nhiều quả vải thậm chí còn không có hạt.



### (Vải thiều Lục Ngạn, Bắc Giang)

Vải thiều Lục Ngạn vốn bắt nguồn từ giống vải ở Hải Dương nên có những điểm tương đồng với vải thiều Thanh Hà là đều có cùi dày, nhiều nước, hạt nhỏ và rất ngọt. Bên cạnh đó, vải thiều Lục Ngạn cũng có những đặc điểm riêng như khi chín có màu đỏ tươi chứ không phải màu hồng nhạt như vải thiều Thanh Hà. Vải thiều Lục Ngạn có kích thước to hơn vải thiều Thanh Hà. Một đặc điểm khác để phân biệt 2 loại vải này đó là vải thiều Lục Ngạn có lớp màng mỏng màu nâu giữa phần cùi và phần hạt trong khi vải thiều Thanh Hà không có.



### 1.3. Những tác dụng của quả vải đối với sức khỏe

Quả vải không chỉ là loại trái cây ngon được nhiều người ưa thích mà nó còn chứa các khoáng chất như magie, kali và một số vitamin, đặc biệt là rất nhiều vitamin C. Vì thế, ăn vải sẽ tăng cường khả năng của hệ thống miễn dịch, tốt cho tim mạch, giải độc, chống ung thư, làm chậm quá trình lão hóa cơ thể...

#### - Ngăn ngừa ung thư:

Quả vải có lượng flavonoid cao làm giảm nguy cơ ung thư, nhất là ung thư vú. Các chất chống oxy hóa giúp cơ thể không bị các gốc tự do tấn công, ngăn ngừa mầm mống ung thư.

#### - Tăng cường hệ miễn dịch:

Hàm lượng vitamin C trong quả vải rất cao giúp bảo đảm chức năng hệ miễn dịch cơ thể có thể chống lại những căn bệnh thông thường như ho, cảm cúm. Vitamin C trong quả vải cũng giúp trẻ em tránh được còi xương, suy dinh dưỡng.

#### - Tốt cho tim mạch:

Quả vải chứa nhiều kali nhưng lại ít natri, giúp điều trị chứng cao huyết áp, chống co thắt mạch máu, tránh khỏi nguy cơ đột quỵ. Các chất đồng, folate, hemoglobin và magie trong quả vải sẽ thúc đẩy cơ thể sản sinh hồng cầu, cải thiện quá trình lưu thông máu.

#### - Hỗ trợ hệ tiêu hóa:

Chất xơ hòa tan, pectin và nước trong quả vải rất tốt cho hệ tiêu hóa, giúp làm sạch ruột, đào thải giun, chống táo bón, ợ nóng, ung thư ruột kết và nhiều bệnh về đường tiêu hóa khác.

#### - Chắc khỏe xương:

Lượng khoáng chất dồi dào trong quả vải như magie, photpho, kẽm, đồng hay mangan sẽ hỗ trợ cho xương chắc khỏe, không bị giòn và dễ gãy. Trong đó, kẽm và đồng sẽ thúc đẩy quá trình hấp thụ vitamin D, cung cấp canxi cho xương.

#### - Giảm đau và viêm:

Hợp chất flavonoid có nhiều trong quả vải có tác dụng như một chất

giảm đau và chống viêm các mô trong cơ thể.

- *Làm chậm quá trình lão hóa:*

Quả vải có chứa nhiều chất chống oxy hóa, ngăn chặn sự phá hoại của các gốc tự do, giúp làm chậm quá trình lão hóa cơ thể.

- *Giảm cân hiệu quả:*

Quả vải có lượng calo rất thấp, không có chất béo trong khi chất xơ lại dồi dào, rất thích hợp với những ai đang muốn giảm cân.

## **Phần 2. Tình hình sản xuất, tiêu thụ quả vải Việt Nam**

### **2.1. Tình hình sản xuất, xuất khẩu quả vải trên thế giới**

#### **Tình hình thu hoạch, xuất khẩu quả vải trên thế giới năm 2018**

Thu hoạch			Xuất khẩu	
STT	Nước	Sản lượng (tấn)	Nước	Thị phần
1	Trung Quốc	2.000.000	Madagascar	35%
2	Ấn Độ	677.000	Việt Nam	19%
3	Việt Nam	380.000	Trung Quốc	18%
4	Thái Lan	48.000	Thái Lan	10%
5	Bangladesh	12.000	Nam Phi	9%

*Nguồn: Số liệu tại Hội nghị quốc tế về nhãn, vải lần thứ 6, năm 2018*

### **2.2. Các vùng trồng vải của Việt Nam**

#### **(Vải Thanh Hà, Hải Dương)**

- Diện tích trồng vải thiếu là 3.720 ha, trong đó trồng theo tiêu chuẩn VietGap là 350 ha, Global Gap là 30 ha.

- Tổng sản lượng mùa vải 2019 đạt khoảng 18.000 tấn, trong đó sản lượng vải sớm khoảng 16.000 tấn, sản lượng vải chính vụ khoảng 2.000 tấn.

- Thị trường tiêu thụ:

+ Thị trường nội địa: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thừa thiên Huế, các tỉnh lân cận và một số tỉnh miền Trung - Tây Nguyên.

+ Thị trường xuất khẩu: Trung Quốc (chủ yếu), UAE, Pháp, Malaysia,



Philippine, Thái Lan, Mỹ, Thụy Điển, Australia, Singapore, Canada, Liên bang Nga, Anh, Úc, Nhật Bản (vải đông lạnh)...

### **(Vải Lục Ngạn – Bắc Giang)**

- Diện tích trồng vải thiếu là 28.000 ha, trong đó trồng theo tiêu chuẩn VietGap là 15.000 ha, GlobalGap là 40 ha.

- Tổng sản lượng mùa vải 2019 là 147.030 tấn, trong đó sản lượng vải sớm 38.780 tấn, sản lượng vải muộn 108.250 tấn.

- Thị trường tiêu thụ:

+ Thị trường nội địa khoảng 45%

+ Thị trường Trung Quốc khoảng 50%

+ Thị trường xuất khẩu khác: Mỹ, Úc, Thái Lan, Singapore, Trung Đông, Nhật Bản (vải đông lạnh)... khoảng 5%

## **Phần 3. Tình hình nhập khẩu quả vải tươi vào Nhật Bản**

### **3.1. Tình hình sản xuất quả vải ở Nhật Bản**

Vốn là loại trái cây thích hợp thổ nhưỡng ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả vải rất khó trồng ở Nhật Bản. Chỉ có rất ít địa phương có khí hậu phù hợp với việc trồng vải.

Sản lượng quả vải trồng ở Nhật Bản chỉ chiếm khoảng 5% thị phần tiêu thụ tại Nhật và chỉ có thể thu hoạch trong khoảng thời gian từ giữa tháng 6 đến giữa tháng 7. Chính vì sản lượng thấp và khan hiếm như vậy, quả vải nội địa được bán như là một mặt hàng cao cấp, đặc biệt là quả vải trồng ở tỉnh Miyazaki. Quả vải ở đây có thể được bán trực tiếp từ người nông dân đến người tiêu dùng.

### **Sản lượng quả vải trồng tại Nhật Bản**

(đơn vị: tấn)

Tỉnh	Thời gian thu hoạch	2012	2013	2014	2015	2016
Kagoshima	Tháng 6	4	9	8	8	8
Miyazaki	Tháng 6	2	4	4	5	9
Okinawa	Tháng 6	0,1	0,1	2	0	0
Tổng		6,1	13,1	14	13	17

Nguồn: Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản, 2018



Shintomi là một thị trấn nhỏ với khoảng 17.000 dân thuộc tỉnh Miyazaki nằm trên đảo Kyushu phía Nam Nhật Bản. Đây là nơi người nông dân bắt đầu thử nghiệm việc trồng vải trong nước từ năm 2005 với một chuỗi những khó khăn và thất bại. Phải đến hơn 10 năm sau kể từ ngày bắt đầu thử nghiệm, những mong ước của người nông dân mới thành hiện thực khi trái vải kích thước lớn, mọng nước, hàm lượng đường cao đã ra đời.

Những trái vải ở Shintomi có màu đỏ bắt mắt, mùi thơm đặc trưng và cùi dày mọng. Lượng đường của mỗi trái vải đạt trung bình 15 độ, có trái lên tới 18 độ và đặc biệt thơm ngon. Mỗi trái vải Shintomi được bán với giá khoảng 1000 Yên/trái (hơn 200 nghìn đồng).

Giá trị trái vải Nhật Bản được đánh giá cao, trở thành nguyên liệu cho những cửa hàng đồ ngọt/cafe cao cấp, là nguyên liệu làm các loại kem, nước đá vải, trà vải thiếu, bia vải thiếu... mang lại sự hấp dẫn cho thực khách trong nước và khách du lịch đến Nhật Bản.



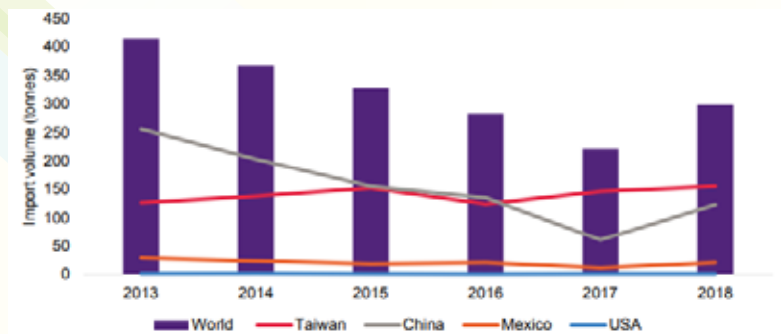
### 3.2. Tình hình nhập khẩu quả vải tươi vào Nhật Bản

Nhật Bản là thị trường có tiêu chuẩn cao về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, dư lượng chất bảo vệ thực vật phải đảm bảo đúng quy định. Mặc dù sản lượng quả vải nội địa còn rất thấp và Nhật Bản phải nhập khẩu quả vải tươi từ nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng trong nước, tuy nhiên Nhật Bản chỉ cho phép nhập khẩu những sản phẩm đạt được các tiêu chuẩn đặt ra.

Khối lượng vải tươi nhập khẩu vào Nhật Bản có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Nhật Bản chủ yếu nhập khẩu quả vải tươi từ Đài Loan và Trung Quốc. Trung Quốc là nước xuất khẩu vải tươi lớn nhất sang Nhật Bản vào năm 2013 với 256 tấn, tuy nhiên lượng nhập khẩu vải tươi từ Trung Quốc giảm mạnh hơn 50% vào năm 2018, xuống còn 123 tấn. Theo chiều ngược lại, nhập khẩu vải tươi từ Đài Loan tăng hơn 23%, đưa Đài Loan trở thành nước xuất khẩu vải tươi lớn nhất vào Nhật Bản trong năm 2018. Mexico xếp thứ ba, trong khi Hoa Kỳ đứng cuối cùng trong danh sách các nước xuất khẩu vải tươi sang Nhật Bản với khối lượng thấp

và không ổn định. Năm 2019, lần đầu tiên Honduras xuất khẩu vải tươi sang Nhật Bản.

### Các nước xuất khẩu vải tươi sang Nhật Bản giai đoạn 2013-2018



Nguồn: Số liệu thống kê của Hải quan Nhật Bản

### Lượng và giá trị nhập khẩu quả vải tươi vào Nhật Bản năm 2019

TT	Quốc gia	Khối lượng (tấn)	Kim ngạch (triệu Yên)	Đơn giá (trên 1 kg)
1	Trung Quốc	101,9	76,7	753 Yên
2	Đài Loan	99,7	103,9	1.042 Yên
3	Mexico	6,3	5,1	818 Yên
4	Honduras	2,8	2,0	713 Yên
5	Hoa Kỳ	0,8	2,7	3.357 Yên

Nguồn: Số liệu thống kê của Hải quan Nhật Bản

### Phần 4. Yêu cầu đối với quả vải thiếu tươi xuất khẩu sang Nhật Bản

Sau khoảng thời gian 5 năm tích cực đàm phán mở cửa thị trường của cơ quan chức năng hai nước, ngày 16/12/2019, Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản có văn bản gửi Cục Bảo vệ thực vật – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về việc đồng ý cho phép nhập khẩu quả vải thiếu tươi của Việt Nam. Các yêu cầu đối với quả vải thiếu tươi xuất khẩu sang Nhật Bản cụ thể như sau:

#### 4.1. Yêu cầu về vườn trồng

Vườn trồng vải thiếu phải đảm bảo có thể truy xuất nguồn gốc, vườn trồng vải xuất khẩu sang Nhật Bản phải lập và lưu lại hồ sơ, nhật ký sản xuất và được Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra, cấp mã số.

Về quản lý sinh vật gây hại: áp dụng biện pháp quản lý tổng hợp đối với ruồi đục quả phương đông (*Bactrocera dorsalis*).

Về an toàn thực phẩm: trên các vườn trồng vải xuất khẩu sang Nhật Bản, tuyệt đối không được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng và tuân thủ nguyên tắc 4 đúng để đảm bảo đáp ứng quy định của Nhật Bản về mức dư lượng tối đa cho phép (Phụ lục I kèm theo) đối với quả vải tươi xuất khẩu.

#### 4.2. Yêu cầu chi tiết về kiểm dịch thực vật đối với quả vải thiếu tươi xuất khẩu

Quy định chi tiết đối với cơ sở xử lý xông hơi khử trùng, cơ sở đóng gói, bao bì và ghi nhãn, việc kiểm tra kiểm dịch thực vật xuất khẩu và nhập khẩu đối với quả vải thiếu tươi của Việt Nam tại Phụ lục II kèm theo.



Nhật Bản là thị trường khó tính với tiêu chuẩn cao, do đó các doanh nghiệp Việt Nam cần phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu nói trên để có thể xuất khẩu quả vải thiếu tươi sang Nhật Bản.

## **Phần 5. Quy định nhập khẩu rau và trái cây vào Nhật Bản**

### **5.1. Luật điều chỉnh việc nhập khẩu rau, trái cây vào Nhật Bản**

Việc nhập khẩu rau, trái cây tươi và chế biến vào Nhật Bản phải tuân theo quy định của các luật sau đây: Luật Hải quan/ Luật Các biện pháp tạm thời liên quan đến hải quan, Luật Bảo vệ thực vật, Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm.

#### **(Luật Hải quan/ Luật Các biện pháp tạm thời liên quan đến hải quan)**

Luật Hải quan và Luật Các biện pháp tạm thời liên quan đến hải quan quy định hệ thống hạn ngạch thuế quan nhằm mục đích bảo hộ sản xuất nông nghiệp trong nước, áp dụng cho các loại rau họ đậu và củ konjac (trong nhóm rau), cà chua xay nhuyễn (trong nhóm rau chế biến), dưa đóng hộp (trong nhóm trái cây chế biến). Khi các loại rau họ đậu, konjac, cà chua xay nhuyễn, dưa đóng hộp được nhập khẩu, một mức thuế suất thấp hơn (mức thuế sơ cấp) được áp dụng cho lượng nhập khẩu trong hạn ngạch để giúp người tiêu dùng có thể mua được hàng nhập khẩu với giá thấp, trong khi đó lượng nhập khẩu ngoài hạn ngạch sẽ phải chịu mức thuế suất cao hơn (mức thuế thứ cấp).

Ngoài ra, Luật Hải quan cấm việc nhập khẩu hàng hóa ghi sai nhãn hoặc gây ra sự khó hiểu về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.

#### **(Luật Bảo vệ thực vật)**

Luật Bảo vệ thực vật quy định việc nhập khẩu các loại rau và trái cây tươi phải trải qua các quy trình kiểm dịch nhằm phát hiện các loại sâu bệnh hay thực vật gây hại. Các thủ tục kiểm dịch được thực hiện bởi các Trạm Kiểm dịch khu vực tại các cảng hàng không và các cảng biển.

Các loại sâu bệnh cần kiểm dịch đối với rau và trái cây tươi được quy định chi tiết trong Phụ lục 2 của Pháp lệnh thực thi Luật Bảo vệ thực vật, bao gồm ruồi giấm Địa Trung Hải, ruồi giấm phương Đông, ruồi đục quả trên cam quýt, sâu bướm..., tùy thuộc nơi xuất xứ của các loại rau và trái cây. Tuy nhiên, sản phẩm được đóng gói kín để bán lẻ, hoặc được ướp muối hoặc đường, hoặc thực phẩm chế biến là đối tượng được miễn kiểm dịch.

Sản phẩm nhập khẩu sẽ vượt qua quá trình kiểm dịch nếu không vi phạm quy định về hạn chế nhập khẩu, không thuộc danh mục hàng bị cấm nhập khẩu, không chứa bất kỳ loại sâu bệnh nào. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sự phát sinh của sâu bệnh hoặc thực vật gây hại có thể xảy ra trong quá trình lưu kho và vận chuyển, ngay cả khi không phát hiện dấu hiệu

dịch bệnh ở giai đoạn sản xuất.

Luật Bảo vệ thực vật cũng cấm nhập khẩu bất kỳ sản phẩm nào dính các loại đất; các loại đất phải được loại bỏ khỏi hàng hóa trước khi nhập khẩu.

### **(Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm)**

Theo Thông báo số 370 của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi về “Tiêu chuẩn và tiêu chí cho thực phẩm và chất phụ gia” được ban hành kèm theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, và dựa trên các tiêu chuẩn về dư lượng thuốc trừ sâu, mặt hàng rau, trái cây tươi và chế biến là đối tượng phải được đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, được kiểm tra theo chủng loại và tính chất của các thành phần thô, kiểm tra theo chủng loại và hàm lượng của chất phụ gia, dư lượng thuốc trừ sâu... Thực phẩm sẽ bị cấm nhập khẩu trong trường hợp sử dụng chất phụ gia bị cấm, hay dư lượng thuốc trừ sâu vượt quá giới hạn cho phép. Do vậy, rau và trái cây tươi và chế biến nên được kiểm tra, kiểm dịch tại nơi sản xuất trước khi tiến hành nhập khẩu.

Cho đến năm 2006, các tiêu chuẩn về dư lượng thuốc trừ sâu được áp dụng theo nguyên tắc “chọn - bỏ”, theo đó một loại thuốc trừ sâu sẽ không bị kiểm soát dư lượng nếu không có một quy định cụ thể nào cho loại thuốc trừ sâu đó. Luật sửa đổi sau đó đưa vào áp dụng nguyên tắc “chọn - cho”, theo đó việc phân phối lưu thông một sản phẩm bị cấm nếu sản phẩm đó chứa một mức độ nhất định dư lượng thuốc trừ sâu, kể cả khi không có quy định cụ thể nào cho loại thuốc trừ sâu đã được sử dụng.

Kể từ năm 2011, Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi yêu cầu kiểm tra bắt buộc mọi lô hàng rau và trái cây tươi có khả năng cao vi phạm Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, bao gồm sắn (bất kể nước xuất xứ), măng tây Trung Quốc, cà chua nho Hàn Quốc, xoài Ấn Độ, đậu xanh Oman...

Nhà sản xuất cần cân nhắc kỹ giới hạn tối đa dư lượng thuốc trừ sâu được cho phép sử dụng trước khi tiến hành xuất khẩu. Giới hạn dư lượng tối đa được áp dụng cho từng loại thuốc trừ sâu được quy định trong *Hệ thống quản lý danh mục dư lượng hóa chất nông nghiệp trong thực phẩm*.

## **5.2. Quy trình nhập khẩu rau và trái cây tại Nhật Bản**

### **(Kiểm soát nhập khẩu)**

Theo hệ thống hạn ngạch thuế quan áp dụng cho nhập khẩu các loại rau đậu, konjac, cà chua xay nhuyễn và dưa đóng hộp, các nhà nhập khẩu muốn nhận được hạn ngạch trong mức thuế quan ưu đãi phải nộp đơn

đăng ký cho Phòng Các vấn đề kinh tế quốc tế, Vụ Các vấn đề quốc tế, Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp. Muốn trở thành đối tượng được nhận hạn ngạch thuế quan, người nộp đơn phải đáp ứng đủ các điều kiện bắt buộc, trong đó bao gồm việc có kinh nghiệm thực hiện thông quan nhập khẩu cho các loại sản phẩm khác nhau.

### **(Kiểm dịch thực vật)**

Luật Bảo vệ thực vật quy định việc nhập khẩu số lượng lớn rau và trái cây tươi chỉ được tiến hành tại một số cảng hàng không hay cảng biển nhất định nơi có khả năng thực hiện các biện pháp bảo vệ thực vật nhằm mục đích ngăn ngừa dịch bệnh và sâu bệnh xâm nhập vào đất nước. Vì vậy cần lựa chọn phù hợp cảng biển/cảng hàng không nơi sẽ dỡ hàng từ trước khi hàng được vận chuyển từ nước xuất khẩu. (Lưu ý rằng không phải tất cả các Trạm kiểm dịch đều có chức năng kiểm dịch thực vật).

Các tài liệu phục vụ việc kiểm dịch hàng tại các Trạm Kiểm dịch cần phải được nộp ngay sau khi hàng cập cảng. Trong trường hợp sau khi kiểm dịch hàng bị từ chối nhập khẩu do phát hiện dịch bệnh hay sâu bệnh, cơ quan chức năng có thể sẽ thực hiện biện pháp hun trùng hoặc các biện pháp xử lý khác.

Một số loại rau và trái cây ướp muối/đường hoặc được đóng gói kín để bán lẻ sẽ được miễn kiểm dịch, bao gồm: mơ, sung, hồng, kiwi, mận, lê, chà là, dứa, chuối, đu đủ, nho, xoài, đào, long nhãn.

### **(Kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm)**

Các tài liệu phục vụ kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm cần phải được nộp cho bộ phận giám sát thực phẩm nhập khẩu tại các Trạm Kiểm dịch trực thuộc Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi. Việc kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm sẽ được quyết định tiến hành sau giai đoạn xem xét hồ sơ ban đầu. Nếu như sau giai đoạn xem xét hồ sơ và tiến hành kiểm dịch không phát hiện bất kỳ vấn đề gì về vệ sinh an toàn thực phẩm, hồ sơ đăng ký kiểm dịch sẽ được xác nhận và được trả lại để người nộp hồ sơ mang đi nộp kèm cùng với tài liệu hải quan khác trong quá trình thông quan. Trong trường hợp lô hàng bị xác định không phù hợp cho nhập khẩu, cơ quan chức năng có thể áp dụng biện pháp tiêu hủy hàng hóa hoặc trả lại hàng cho bên giao hàng.

### **(Thông quan nhập khẩu)**

Theo Luật Kinh doanh hải quan, tờ khai nhập khẩu phải được thực hiện

bởi chính các nhà nhập khẩu hoặc có thể ủy quyền cho các chuyên gia về hải quan (bao gồm cả môi giới hải quan) đã được đăng ký hành nghề.

Để một lô hàng từ nước ngoài có thể cập cảng vào Nhật Bản, tờ khai hải quan phải được nộp cho cơ quan hải quan phụ trách khu vực dỡ hàng. Sau khi hàng hóa trải qua các quy trình kiểm tra, kiểm dịch, và các loại lệ phí hải quan hay thuế tiêu dùng nội địa được nộp đầy đủ, nhà nhập khẩu sẽ được nhận giấy phép nhập khẩu.

### **5.3. Hệ thống kênh phân phối rau và trái cây tại thị trường Nhật Bản (Rau và trái cây tươi)**

Hệ thống phân phối đối với rau và trái cây tươi được phân loại thành: (i) *kênh thương mại thị trường* nếu sản phẩm được lưu thông, phân phối trên thị trường bán buôn, và (ii) *kênh thương mại phi thị trường* nếu sản phẩm không được lưu thông, phân phối trên thị trường bán buôn.

Đối với kênh thương mại thị trường, sản phẩm nông sản nội địa sẽ được các đơn vị trung gian như các hợp tác xã nông nghiệp mua trực tiếp từ người nông dân, sau đó được phân loại theo chất lượng và vận chuyển đến thị trường bán buôn; trong khi rau và trái cây tươi nhập khẩu cũng sẽ được vận chuyển thẳng từ doanh nghiệp nhập khẩu đến thị trường bán buôn. Rau và trái cây tươi tại thị trường bán buôn được đem ra đấu giá hoặc được bán cho các nhà bán buôn nhỏ và các nhà bán lẻ.

Tại kênh thương mại phi thị trường, người nông dân giao dịch trực tiếp với các nhà bán lẻ quy mô lớn/chuỗi nhà hàng, hoặc với người tiêu dùng thông qua mạng internet. Kênh thương mại phi thị trường rút ngắn thời gian lưu thông sản phẩm từ khi thu hoạch đến khi giao hàng, đồng thời đảm bảo nguồn cung ổn định do số lượng và giá cả hàng hóa đã được thống nhất từ trước. Đây là lý do tại sao giao dịch phi thị trường đang phát triển mạnh mẽ tại Nhật Bản.

### **(Rau và trái cây đông lạnh)**

Rau và trái cây đông lạnh hầu như không được đưa vào phân phối trên thị trường bán buôn. Rau và trái cây đông lạnh nội địa được chuyển tới các nhà bán lẻ hoặc các nhà hàng thông qua các nhà bán buôn thực phẩm. Đối với rau và trái cây đông lạnh nhập khẩu, một phần được nhập khẩu vào Nhật Bản và được đóng gói lại bởi nhà cung ứng địa phương trong khi một phần khác được đóng gói trực tiếp tại khu vực sản xuất ở nước ngoài và sau đó được nhập khẩu vào Nhật Bản. Trong các trường

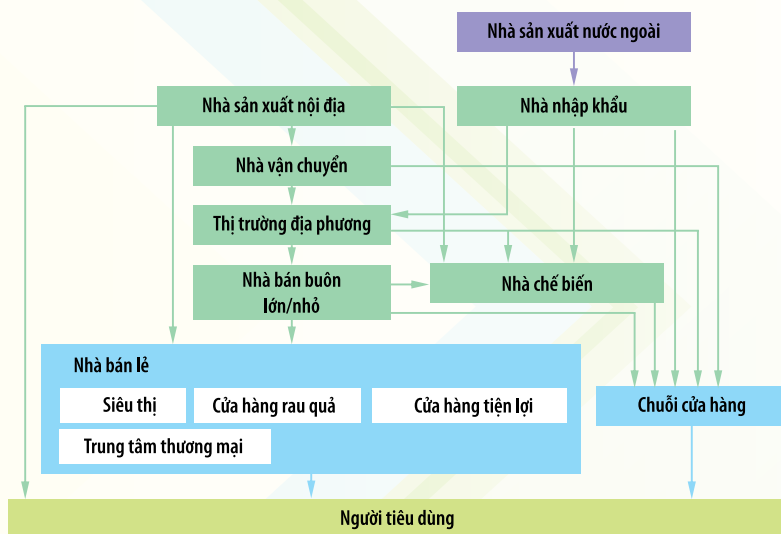


hợp khác, các nhà cung ứng thực phẩm chế biến cũng nhập khẩu trực tiếp rau và trái cây đông lạnh được sử dụng làm nguyên liệu.

### (Rau và trái cây chế biến)

Rau và trái cây chế biến thường được các nhà cung ứng thực phẩm chế biến lớn hoặc chuỗi nhà hàng nhập khẩu với số lượng lớn. Còn các lô hàng nhỏ nhắm tới đích là các nhà cung ứng thực phẩm/nhà hàng cỡ nhỏ và người tiêu dùng, sẽ được nhập khẩu thông qua nhà nhập khẩu, được phân phối qua các nhà bán buôn thương mại/nhà bán lẻ và đến với người tiêu dùng cuối cùng.

### Kênh phân phối rau, hoa quả tươi và chế biến tại Nhật Bản



Nguồn: Tập đoàn Fuji Keizai

### 5.4. Một số vấn đề cần quan tâm đối với mặt hàng rau và trái cây khi thâm nhập vào thị trường Nhật Bản

Khi muốn xuất khẩu rau và trái cây sang thị trường Nhật Bản, cần phải

nghiên cứu sở thích tiêu dùng của người Nhật. Tại thị trường Nhật Bản, người tiêu dùng chú trọng không chỉ đến chất lượng của rau và trái cây tươi, mà còn về hình thức của sản phẩm như kích thước, màu sắc...

Người tiêu dùng Nhật Bản ngày càng quan tâm nhiều hơn đến chất lượng thực phẩm nhập khẩu và họ có sự nhạy cảm cao đối với những loại thực phẩm không đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Chính phủ Nhật Bản ban hành một hệ thống quản lý danh mục thuốc trừ sâu nhằm hạn chế việc bán hàng thực phẩm chứa dư lượng thuốc trừ sâu vượt mức cho phép. Ngoài ra việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm cũng được chú trọng. Vì vậy nhà xuất khẩu cần phải quản lý chặt chẽ các phương thức sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm ngay tại nơi sản xuất. Có những trường hợp nhà nhập khẩu rau quả đông lạnh của Nhật Bản đưa ra yêu cầu quản lý chất lượng ngay từ khâu trồng rau và trái cây tại nước xuất xứ. Do vậy các nhà sản xuất nước ngoài phải cung cấp kết quả kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu và sơ đồ chuỗi sản xuất để có thể bán rau, trái cây tươi và chế biến cho các công ty Nhật Bản.

Nhằm đảm bảo tính an toàn và độ tin cậy của sản phẩm nông nghiệp tại Nhật Bản, tiêu chuẩn GAP (Good Agricultural Practice: Quy tắc thực hành nông nghiệp tốt) đã được giới thiệu và áp dụng rộng rãi. Mặc dù GAP chưa đạt đến mức trở thành tiêu chuẩn mua hàng cho các nhà bán lẻ tại Nhật Bản, tuy nhiên nông sản nước ngoài sẽ dễ dàng để được nhập khẩu vào Nhật Bản hơn nếu được sản xuất đảm bảo tuân theo quy trình GAP.

Hơn nữa, đối với sản phẩm thực phẩm chế biến, Nhật Bản đã giới thiệu HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point), một kỹ thuật kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm liên tục theo dõi và ghi lại các diễn biến để ngăn chặn mối nguy hại vật lý, hóa học, sinh học trong quá trình sản xuất, từ khâu mua nguyên liệu đến sản xuất và giao hàng. Do đó các nhà sản xuất có thể chứng minh họ đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa vệ sinh dịch tễ cần thiết trong khâu sản xuất thực phẩm chế biến thông qua quy trình HACCP, để có thể xuất khẩu thực phẩm chế biến sang Nhật Bản dễ dàng hơn.

Một số loại rau và trái cây bị cấm nhập khẩu vào Nhật Bản tùy thuộc vào nơi xuất xứ. Theo nguyên tắc cơ bản, các sản phẩm tươi sống bị cấm nhập khẩu thì sẽ không được phép nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu xác định được rằng các công nghệ khử trùng diệt sâu bệnh nông nghiệp đã được áp dụng có hiệu quả tại nước sản xuất thì một số sản phẩm nằm trong

danh sách đàm phán cấp chính phủ giữa nước xuất khẩu và Nhật Bản có thể sẽ được tháo gỡ lệnh cấm và được phép nhập khẩu vào Nhật Bản. Để được chấp thuận nhập khẩu, nhà sản xuất phải trả chi phí mời các cán bộ kiểm dịch Nhật Bản sang kiểm tra thực địa, và thời gian kiểm tra đôi khi có thể kéo dài đến một vài năm.

### 5.5. Danh sách các triển lãm tại Nhật Bản giới thiệu sản phẩm nông sản, thực phẩm

<b>Đối tượng sản phẩm</b>	<b>Tên triển lãm</b>
Nông sản, thực phẩm nói chung	FOODEX <a href="https://www.jma.or.jp/foodex/index.html">https://www.jma.or.jp/foodex/index.html</a>
	Triển lãm Thương mại Siêu thị <a href="http://www.smts.jp">http://www.smts.jp</a>
Thực phẩm, đồ uống	FABEX <a href="http://www.fabex.jp">http://www.fabex.jp</a>
Đồ tráng miệng (trái cây, bánh kẹo), đồ uống	Dessert, Sweets & Drink Festival <a href="http://www.dainichiad.co.jp/exhibition/fabex/dessert.html">http://www.dainichiad.co.jp/exhibition/fabex/dessert.html</a>
Sản phẩm hữu cơ	BioFach Japan <a href="https://www.biofach-japan.com/">https://www.biofach-japan.com/</a>

# PHỤ LỤC I

## QUY ĐỊNH DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO PHÉP (MRL) CỦA NHẬT BẢN ĐỐI VỚI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TRÊN CÂY VÀI TẠI VIỆT NAM

TT	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)	MRLs Nhật Bản (mg/kg)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:					
<b>1. Thuốc trừ sâu:</b>					
Abamectin	Acimetin, 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 5.6EC, 6.5EC, 8EC, 100WG  Catex  1.8EC, 3.6EC, 100WG  Dibamec  1.8 EC, 3.6EC, 5WG		<b>6.5EC:</b> nhện đỏ/ vãi	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu	0.01
			<b>1.8EC, 3.6EC:</b> sâu tơ; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; bọ cánh tơ; nhện đỏ/ chệ; nhện lông nhung/ vãi;	Công ty CP Nicotex	
			sâu đục cành/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chệ; rầy bông / xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chống cánh/ cam; bọ xít/ vãi,	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA	

Javitin 18EC, 36EC, 55EC, 65EC, 100WP	<b>36EC:</b> sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; nhện lông nhung/ vãi; <b>100WP:</b> sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ vãi; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	Công ty CP Nông dược Nhật Việt	
Megamectin 20EC, 40EC, 56EC, 126WG	<b>20EC:</b> Sâu đục quả/ vãi, tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ	
Milktin 3.6 EC	bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; bọ xít, sâu đục quả/ vãi;	Công ty CP TM BVTV Minh Khai	
Nimbus 1.8 EC, 6.0EC	<b>1.8EC:</b> sâu khoang/ lạc; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa, ruồi đục quả/ cam; sâu đục quả/ vãi <b>6.0EC:</b> sâu đục quả/ vãi; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai	
Phumai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	sâu đục quả/ vãi	Công ty CP ĐTKTNN và PTNT Trung ương	



Abamectin 35g/l (54g/l) + Azadirachtin 1g/l (1g/l)	Agassi 36EC, 55EC	<b>36EC:</b> sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu tơ/ cải xanh; bọ xít, sâu đục quả/ vải; <b>55EC:</b> nhện lông nhung, sâu đục gân lá/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ	Không phải áp dụng MRL
Abamectin 37 g/l + Azadirachtin 3 g/l	Vinup 40 EC	sâu đục cuống/ vải	Công ty TNHH US.Chemical	
Abamectin 0.1% (1.7%), (3.5%) + <i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 1.9% (0.1%), (0.1%)	Kuraba WP, 1.8EC, 3.6EC	<b>WP:</b> sâu đục gân lá, sâu đục quả/ vải; nhện đỏ/ chè; <b>1.8EC, 3.6EC:</b> sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; nhện lông nhung/ vải;	Công ty TNHH Sân phẩm Công Nghệ Cao	0.01
Abamectin 9g/ kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 11g/kg	ABT 2 WP	sâu tơ; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu đục cuống, sâu đục quả, sâu đục gân lá/ vải; nhện đỏ/ chè; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh	



Abamectin 1.8g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> 20g/kg (10 <sup>10</sup> bt/g)	Tridan 21.8WP	sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; ruồi đục quả/ xoài	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever	
Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l) (25g/l), (36g/l) + Chlorfluazuron 0.5g/l (1g/l), (1.5g/l), (50g/l), (54g/l)	Confitin 18 EC, 36EC, 50EC, 75EC, 90EC	<b>18EC, 36EC:</b> bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức	0.01
Abamectin 18g/l, (64g/l), (7.2%), (25g/kg) + 10g/l, (1g/l), (4.0%), (50g/kg) Emamectin benzoate	Acprodi 28 EC, 65EC, 11.2WP, 75WG	<b>65EC:</b> nhện đỏ/ vải	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu	0.01

	Abamectin 18g/l (18g/l), (33g/l) + Emamectin benzoate 2g/l, (9.5g/l), (2g/l)	TC-Năm Sao 20EC, 27.5EC, 35EC	<b>20EC, 35EC:</b> bọ cánh to/ chèn, bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít/ vải, rệp muội/ nhãn, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa <b>27.5EC:</b> Sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ vải	Công ty TNHH Việt Thắng	0.01
	Abamectin 1g/l (20g/l) + Matrine 5g/l (5g/l)	Luckyler 6EC, 25EC	bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA	0.01
	Abamectin 20g/l + Matrine 5 g/l	Aga 25EC	nhện đỏ, bọ xít muỗi, sâu đục quả/ vải, nhện; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; rệp sáp, nhện đỏ, rầy xanh/ chèn, cà phê; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; nhện đỏ, sâu xanh/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc	0.01
	Abamectin 20g/l (56g/l) + Matrine 2g/l (2g/l)	Sudoku 22EC, 58EC	<b>22EC:</b> sâu đục cuống quả, sâu đục gân lá/ vải, tuyến trùng/ hồ tiêu <b>58EC:</b> nhện gié, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi, bọ cánh to, nhện đỏ/ chèn; nhện lông nhung, bọ xít/ vải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ nho	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ	
	Abamectin 1.8% + Matrine 0.2%	Miktox 2.0 EC	bọ xít, sâu đục quả/ vải;	Công ty CP TM BTV Minh Khai	0.01

	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.3%	Koimire 24.5EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chẻ; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ xoài; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Nông dược Nhật Việt	0.01
	Abamectin 0.2% (0.5%) + Petroleum oil 24.3% (24.5%)	Soka 24.5EC, 25 EC	<b>24.5EC:</b> sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam quýt, nhện; nhện lông nhung/ vải; <b>25EC:</b> nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ bông vải; rầy chống cánh, ruồi đục quả/ cam; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh	0.01
	Abamectin 1% + Petroleum oil 24%	Batas 25EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải;	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao	0.01
	Abamectin 0.3% (55g/l) + Petroleum oil 39.7% (5g/l)	Sword 40 EC, 60EC	<b>40EC:</b> bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chẻ; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; dòi đục lá/ cải bó xôi; bọ trĩ, bọ phấn/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rệp muội/ cam <b>60EC:</b> nhện đỏ/ vải, nhện lông nhung/nhân	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu	0.01
	Abamectin 22g/l + Spinosad 25g/l	Rice NP 47SC	Sâu đục quả/vải	Công ty TNHH TM Nông Phát	0.01

<i>Bacillus thuringiensis</i> var. <i>kurstaki</i>	Delfin WG (32 BIU)	sâu tơ/ rau cải; sâu đo/ đậu đũa; sâu xanh/ cà chua, hoa hồng, hành; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu khoang, sâu xanh/ bắp cải; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng	
	Thuricide HP, OF 36 BIU	<b>HP:</b> sâu tơ; sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải, cà chua; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông <b>OF 36BIU:</b> sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng	
<i>Celastrus angulatus</i>	Agilatus 1EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ/ chè; rệp sáp/ cam; sâu đục quả/ vải;	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông	0.01
<i>Cnidiadin</i>	Hetsau 0.4 EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean	0.01
<i>Diafenthiuron</i> (min 97 %)	Apensus 500SC	Nhện lông nhung/ vải	Công ty TNHH MTV BVTV Omega	0.01
	Pegasus® 500 SC	sâu tơ; sâu xanh, sâu ăn lá/ súp lơ; bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/ cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/ bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/ cây cảnh; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	0.01

					Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu	
Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%)	Redmine 500SC	nhện lông nhung/ vãi			Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	0.01
	Agtemex 3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC, 5WG	<b>3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC:</b> rệp sáp/ cà phê, điều, vãi; sâu xanh/ bắp cải				
	Bafurit 5WG	sâu xanh da láng/ nho, bông vải; bọ xít/ vãi; rầy chống cánh/ cam; rầy bông/ xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè			Công ty TNHH Nông Sinh	
	Dylan ,2EC, 5WG, 10EC, 10WG	<b>2EC:</b> nhện lông nhung, sâu đục quả/ nhãn, vãi; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa			Công ty CP Nicotex	
	Eagle 5EC, 10EC, 20EC, 36WG, 50WG	<b>5EC:</b> bọ xít, nhện đỏ, sâu đục quả/ vãi; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng/ bông vải; bọ trĩ/ điều			Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA	
	Emaben 0.2 EC, 2.0EC, 3.6WG, 60SG	<b>2.0EC, 3.6WG:</b> sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đục quả/ vãi; <b>60SG:</b> dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/ vãi;			Công ty CP Nông nghiệp HP	
	Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	<b>20SL:</b> sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vãi			Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever	

<p>July 1.0 EC, 1.9 EC, 5EC, 5WG</p>	<p><b>1.0 EC, 1.9 EC:</b> sâu tơ; sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chống cánh, nhện đỏ/ vải, nhện, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu <b>5EC, 5WG:</b> sâu tơ; sâu xanh, bọ nhậy/ cải xanh, bắp cải; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chống cánh, nhện đỏ/ vải, nhện, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, rệp/ đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/ bông vải, thuốc lá</p>	<p>Công ty TNHH TM &amp; SX Gia Phúc</p>	
<p>Mikmire, 2.0 EC, 7.9EC, 14.5WG</p>	<p><b>2.0EC:</b> bọ xít, sâu đục quả/ vải;</p>	<p>Công ty CP TM BVTV Minh Khai</p>	
<p>Rholam 20EC, 42EC, 50WP, 58EC, 68WG</p>	<p><b>20EC:</b> sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải;</p>	<p>Công ty CP Nông dược Nhật Việt</p>	
<p>Susupes 1.9 EC</p>	<p>nhện lông nhung/ vải;</p>	<p>Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao</p>	
<p>Tasieu 1.0EC, 1.9EC, 2WG, 3EC, 3.6EC, 5EC, 5WG</p>	<p><b>1.0EC, 1.9EC:</b>sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/ vải; sâu róm/ thông; rầy, sâu xanh/ hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; rầy/ xoài <b>2WG, 5WG:</b> bọ xít/ vải, nhện <b>3EC, 5EC:</b> Bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít/ vải, nhện;</p>	<p>Công ty TNHH Việt Thắng</p>	

	Tungmectin 1.9EC, 5EC, 5WG	<b>5EC:</b> bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chống cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; <b>5WG:</b> nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/ điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng	
	Emamectin benzoate 10g/l (48g/kg), (98g/kg), (25g/l) + Matrine 2g/l (2g/kg), (2g/l)	<b>12EC:</b> sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ; nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả, bọ xít/ vải; nhện đỏ/ hoa hồng; bọ trĩ/ dưa chuột; rầy chống cánh/ cam <b>50SG:</b> sâu đục gân lá/ vải	Công ty CP nông dược Nhật Việt	0.01
	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chống cánh/ cam; nhện lông nhung/ vải;	Công ty CP Nông nghiệp HP	0.01
	Etofenprox (min 96%)	<b>10EC:</b> rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu khoang/ bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/ vải; bọ xít muỗi/ điều	Mitsui Chemicals Agro, Inc..	0.01
	Eucalyptol (min 70%)	nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chống cánh/ cam; nhện lông nhung/ vải;	Công ty TNHH Nam Bắc	0.01



Hexythiazox (min 94 %)	Nissorun 5 EC	nhện đỏ/ chèn, hoa hồng, cam; nhện gié/ lúa, nhện lông nhung/ nhện, vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.	0.01
Karanjin	Takare 2EC	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chèn; bọ trĩ/ dưa chuột, nhỏ, dưa hấu; nhện lông nhung/nhện, vải; nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI	0.01
Liuyangmycin	ANB52 Super 100EC	nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông	0.01
Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm)	Ema 5EC	sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chống cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng	0.01
	Marigold 0.36SL	nhện đỏ/ vải;	Công ty CP Nông dược Nhật Việt	
	Wotac 5EC, 16EC	<b>5EC:</b> bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA	

	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết ( <i>Gleditschia australis</i> ), Hy thiêm ( <i>Siegesbeckia orientalis</i> ), Đơn buốt ( <i>Bidens pilosa</i> ), Cúc liên chi dại ( <i>Parthenium hysterophorus</i> )	Anisaf SH-01 2SL	rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/ bấp cái, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/ dứa chuột; sâu khoang, muỗi đen, rệp đào/ thuốc lá, sâu đục cuống quả/ vải, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)	-
	Rotenone	Limater 7.5 EC	sâu đục quả/ vải; rệp sáp/ na; sâu ăn lá/ cây hồng; sâu róm/ ổi	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông	0.01
	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điển 78SL	rệp sáp, rệp vẩy xanh, rệp nâu/ cà phê, xoài; rệp muỗi/ nhãn, vải;	Công ty TNHH Thành Phương	0.01
	Spirotetramat (min 96%)	Movento 1500D	rệp muỗi/ bấp cái, vải; bọ trĩ/chè; rệp sáp/ thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu; sâu đục quả/cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả, rệp sáp/bưởi	Bayer Vietnam Ltd (BVL)	0.01

<b>2. Thuốc trừ bệnh:</b>					
Azoxystrobin (min 93%)	Amistar® 250 SC	thán thư/cam, xoài, vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	0.01	
Bacillus subtilis	Bionite WP	đốm phần vàng, phần trắng/ dưa chuột, bí xanh; sương mai/ nho; mốc sương/ cà chua; biến màu quả/ vải;	Công ty TNHH Nông Sinh	-	
Chitosan	Jolle 1SL, 40SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ vải, xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega	0.01	
	Kaido 50SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ xoài, vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ		
	Tramy 2 SL	thối quả/ vải, xoài; mốc xám/ xà lách	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA		
Chitosan 10g/l (10g/kg), (10g/l) + Ningnanmycin 10g/l (17g/kg), (38g/l)	Hope 20SL, 27WP, 48SL	<b>20SL, 48SL:</b> Lem lép hạt, bạc lá/ lúa, thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung	0.01	
		<b>27WP:</b> Bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ vải			
Chitosan 20g/ kg + Nucleotide 5g/kg	Daone 25WP	Thán thư quả/vải; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung	0.01	

	Chitosan 1g/l, (1g/kg), (25g/ kg) + Polyoxin B 20g/l (21g/kg), (10g/kg)	Stonegold 21SL, 22WP, 35WP	<b>22WP:</b> Đạo ôn, bạc lá/ lúa; thân thư/ vãi	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ	0.01
	Chlorothalonil (min 98%)	Arygreen 75 WP, 500SC	<b>75WP:</b> đốm vòng/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, vãi thiếu; đốm lá/ hành; thân thư/ xoài, đu đủ <b>500SC:</b> thân thư/ đu đủ, xoài; đốm lá/ hành, lạc; giả sương mai/ dưa hấu; sương mai/ cà chua, vãi; chết rạp cây con/ ớt, ghẻ sẹo/cam	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd	0.01
		Daconil 75WP, 500SC	<b>75WP:</b> phấn trắng/ cà chua, hoa hồng, dưa chuột; đốm lá/ hành, chè; bệnh đổ ngã cây con/ bắp cải, thuốc lá; đạo ôn, khô vằn/ lúa; thân thư/ vãi, ớt, xoài; <b>500SC:</b> đốm lá/ lạc; thân thư/ xoài, chè dưa hấu, nhãn; sương mai/ cà chua; giả sương mai/ dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ nho, vãi; sẹo, Melanos/ cam; mốc sương/ khoai tây; thân thư/chanh leo; sương mai/ súp lơ; sương mai, thân thư/ đậu cove; đốm lá/ cà tím; đốm mắt cua/ mồng toi, ớt; lở cổ rễ/ rau cải, su hào; mốc xám/ rau cải; phấn trắng/ ớt; rỉ sắt/ đậu đũa; sương mai/ đậu đũa, muống, rau cải; thân thư/đậu đũa; thối cổ rễ/ mồng toi; rỉ trắng/rau muống, rỉ sắt/đậu có ve	Công ty TNHH Việt Thắng	

Cucuminoid 5% + Gingerol 0.5%	Stifano 5.5SL	khô hoa rụng quả/ vải; phồng lá, chấm xám/ chề; đốm đen, sương mai/ hoa hồng	Công ty TNHH Sân phẩm Công nghệ cao	0.01
Cytokinin (Zeatin) (min 99%)	Geno 2005 2 SL	thối quả/ vải, nho, nhãn, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA	0.01
Dimethomorph (min 98%)	Insuran 50WG	mốc sương/ cà chua, giả sương mai/dưa chuột; sọc lá/ngô (xử lý hạt giống); sọc lá/ngô (phun); phần trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai /vải,	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời	0.01
	Phytocide 50WP	giả sương mai/ dưa hấu, loét sọc mặt cao/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ vải, cà chua; bạch tạng/ngô	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí	
Eugenol (min 99%)	Genol 0.35L, 1.25L	giả sương mai/ dưa chuột, dưa hấu, cà chua, nhãn, hoa hồng; đạo ôn, khô vằn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; khô vằn/ ngô; đốm lá/ thuốc lá, thuốc lào; thối búp/ chè; sọc/ cam; thân thu/ nho, vải, điều, hồ tiêu; nấm hồng/ cao su, cà phê	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)	0.01
	Lilacter 0.3 SL	khô vằn, bạc lá, tiêm lửa, vàng lá, đạo ôn, thối hạt vi khuẩn/ lúa; héo xanh, mốc xám, giả sương mai/ dưa chuột; mốc xám/ cà pháo, đậu tương, hoa lily; thân thu/ ớt; thân thu, sương mai/ vải;	Công ty TNHH VTNN Phương Đông	

	Hexaconazole (min 85 %)	Anwinning 50SC, 100SC	<b>100SC:</b> rĩ sắt/ cà phê; thán thư/ xoài, vải; lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Us Agro	0.01
	Imibiconazole (min 98.3 %)	Manage 5 WP, 15WP	<b>5WP:</b> phòng lá/ chè; rĩ sắt/ đậu tương; thán thư/ vải,	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.	0.01
	Iprovalicarb 55 g/kg + Propineb 612.5g/kg	Melody duo 66.75WP	mốc sương/ nho, dưa hấu, cà chua, dâu tây; sương mai/ hành, hoa hồng, rau cải; thán thư/ ớt; sương mai, thán thư/ vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)	0.01
	Kasugamycin (min 70%)	Asana 2SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, cải xanh; héo xanh/ cà chua; sẹ/ cam; thối quả/ nhãn, xoài, sầu riêng, vải	Công ty TNHH SX TM Tô Ba	0.01
		Bisomin 2SL, 6WP	<b>2SL:</b> đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư, sẹ/ cam, quýt; thán thư, thối quả/ vải,	Bailing Agrochemical Co., Ltd	
		Grahitech 2SL, 4SL, 4WP	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, hành; lở cổ rễ/ thuốc lá, dưa chuột, dưa hấu, cà chua; bệnh sẹ/ cam; thán thư/ vải, xoài	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao	
	Kamsu 2SL, 4SL, 8WP		<b>2SL, 4SL, 8WP:</b> đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn do vi khuẩn/ hành, bắp cải; lở cổ rễ/ cà chua, dưa chuột, dưa hấu, thuốc lá, thuốc lào; sẹ/ cam; thán thư/ vải,	Công ty TNHH Việt Thắng	

	Kminstar 20SL, 60WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sẹ/ cam; thối vi khuẩn/ bắp cải; thối quả/ vải, xoài	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung	0.01	
Kasugamycin 5g/kg (5g/l), (20g/kg) + Ningnanmycin 40.9g/kg (41.9g/l), (50.9g/ kg) + Polyoxin B 0.1g/kg (0.1g/l), (0.1g/kg)	Gallegold 46WP, 47SL, 71WP	thán thư/ vải, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ	0.01	
Kasugamycin 9g/l (19g/l), (1g/ kg), (1g/l), (59 g/ kg) + Polyoxin 1g/l (1g/l), (19g/ kg), (20g/l), (1g/ kg)	Starsuper 10SC, 20SL, 20WP, 21SL, 60WP	<b>10SC, 20SL, 20WP, 21SL, 60WP:</b> đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sẹ/ cam; thối quả/ vải, xoài;	Công ty TNHH MTV BVTV Omega	0.01	
Kasugamycin 15g/l (20g/kg) + Polyoxin 2g/l (2g/kg)	Kaminone 17SL, 22WP	Thán thư quả/vải	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ	0.01	



	Kasugamycin 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 21g/l (22g/kg)	Yomisuper 225C, 23WP	<b>23WP:</b> thân thu/ vải, phồng lá/ chè, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ	0.01
	Mancozeb (min 85%)	An-K-Zeb 800WP	thối quả/ vải	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	0.01
		Byphan 800WP	thân thu/ vải	Công ty TNHH TM Bình Phương	
	Metiram Complex (min 85 %)	Cadillac 75WG, 80 WP	<b>75WG:</b> đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, thân thu/vải, mốc sương/ khoai tây	Agria S.A, Bulgaria	0.01
		Dithane M-45 80WP, 600OS	<b>80WP:</b> mốc sương/ cà chua, khoai tây; lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn/lúa; mốc sương/nho, vải; thân thu/cà phê, xoài, đu đủ; rỉ sắt cà phê.	Dow AgroSciences B.V	
	Ningnanmycin	Polyram 80WG	chạy dây/ dưa chuột; đốm vòng/ cà chua; sương mãi/ vải thiêu, dưa hấu; thân thu/ hồ tiêu, xoài; thối quả/ nhãn; lúa von/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.	0.01
		Diboxilin 2 SL, 4SL, 8SL	<b>2SL:</b> thối quả/ xoài, vải, nhãn, nho;	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA	

		Kozuma 3SL, 5WP, 8SL	<b>3SL, 5WP, 8SL:</b> thối quả/ xoài, nho, nhãn, vải; lờ cổ rễ, héo rũ/ cà chua	Công ty CP Nông nghiệp HP	
		Molbeng 2SL, 4SL, 8SL	<b>2SL:</b> bạc lá/ lúa, héo rũ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu; thối quả/ xoài, vải <b>4SL:</b> bạc lá/ đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; mốc xám/ bấp cùi; sương mai, lờ cổ rễ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, bí xanh; thối quả / vải, xoài	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	
	Ningnanmycin 10g/kg (17g/l), (10g/kg) + Polyoxin B 11g/kg (10g/l), (22g/kg)	Polysuper 21WP, 27SL, 32WP	<b>27SL :</b> thán thư/ vải <b>21WP:</b> Lem lép hạt, bạc lá/ lúa, thán thư/ vải <b>32WP:</b> Lem lép hạt/ lúa, thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung	0.01
	Ningnanmycin 5g/kg (41g/ kg), (61g/kg) + Polyoxin B 11g/kg (10g/kg), (10g/kg) + Streptomycin sulfate 5g/kg (52g/kg), (167g/ kg)	Sunshi 21WP, 103WP, 238WP	thán thư/ vải, lem lép hạt, bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung	0.01



	Actino-Iron 1.3 SP	thán thư, phần trắng, ghê loét, thối trái, xì mũ thân, vàng lá, thối rễ/ cây có múi, sấu riêng, xoài, nhãn, vải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng	-
<i>Streptomyces lydicus</i> WYEC 108 1.3% + Fe 21.9% + Humic acid 47%	Supervery 50WP	đào ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sẹo/ cam; thối quả/ vải; xoài; sượng mai/ cà chua	Công ty CP Thuộc BVTV Việt Trung	0.01
Sulfur	Sulfurluxthai 80WG	thán thư/vải	Công ty CP Sunseaco Việt Nam	Không phải áp dụng MRLs
	Sulox 80 WP	phần trắng/ xoài, cao su; đốm lá/ lạc; nhện gié/ lúa; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn	
<i>Trichoderma virens</i> J.Miller, Giddens & Foster 80% (8 x 10 <sup>7</sup> bào tử/g)+ <i>Trichoderma hamatum</i> (Bon.) Bainer 20% (2 x 10 <sup>7</sup> bào tử/g)	TricôĐHCT- Phytoph 10 <sup>8</sup> bào tử/ g WP	Loét sọc miệng cạo/ cao su; xì mũ/ bưởi, sấu riêng, chết nhanh/ hồ tiêu; thối quả/ vải; thối quả /nhãn; đốm nâu /thanh long; sượng mai/cà chua, khoai tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời	-

3. Thuốc trừ cỏ :					
Glyphosate (min 95%)	Accinosat 480SL	cỏ/vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu	0.01	
	Bravo 480 SL	cỏ/vải thiếu, cao su, cà phê	Công ty CP BVTV ITW		
	Callione 482SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ		
	Clyphosam 480SL	cỏ/vải	Công ty CP SAM		
	Daiwansa 75.7WG	<b>75.7WG:</b> cỏ/vải	Công ty CP Futai		
	Dosate 75.7WG	<b>75.7WG:</b> cỏ/vải	Công ty CP Đồng Xanh		
	Hdphosan 480SL	cỏ/vải	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng		
	Higlyphosan 480SL	cỏ/vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao		
	VDC-phosat 480SL	cỏ/vải	Công ty TNHH Việt Đức		

	Propaquizafop (min 92%)	Agil 100EC	cỏ/ vãi, lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam	0.01
<b>4. Thuốc điều hoà sinh trưởng:</b>					
Dịch chiết từ cây <i>Lychnis viscaria</i>	Comcat 150 WP	kích thích sinh trưởng/chè, nho, lúa, nhãn, sắn, cam, dâu tây, vải thiều, xoài, thanh long, dưa hấu, cải bó xôi, bắp cải, cà chua, dưa chuột, bí đao, hành, hẹ, cà rốt, lúa, ngô, đậu tương, phong lan; ức chế bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, giúp lúa phục hồi, tăng trưởng; xử lý hạt giống để điều hoà sinh trưởng/lúa, ngô		Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng	-
Gibberellic acid (min 90%)	Colyna 200TB	điều hoà sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, cà chua, hồ tiêu, vãi, chè		Công ty CP Nông dược HAI	0.2
	Megafarm 50TB, 200WP	<b>50TB:</b> kích thích sinh trưởng/lúa, vãi, chè, cà phê, dưa hấu		Công ty CP Nông dược Nhật Việt	

	Gibberellic acid 0.3g/kg (0.4g/l), (0.4g/kg) + N 10.7g/kg (10.6g/l), (10.6g/kg) + P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> 10g/kg (10g/l), (10g/kg) + K <sub>2</sub> O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng	Lucasone 31GR, 41SL, 41WP	kích thích sinh trưởng/vải	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ	
	Nucleotide (Adenylic acid, guanylic acid, cytidylic acid, Uridylic acid)	Sunsuper 0.5SL	kích thích sinh trưởng/vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung	-
<b>5. Chất dẫn dụ côn trùng :</b>					
	Protein thủy phân	Ento-Pro 150SL	ruồi hại quả/ cây có múi, mận, đào, ổi, vải, dòi, hồng, thanh long, táo, lê, đu đủ, khế, na, quýt hồng bì, mướp, mướp đắng, hồng xiêm, gấc, bí đỏ, trứng gà, bí xanh, cà, ớt	Viện Bảo vệ thực vật	-

## PHỤ LỤC 2

### QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐỐI VỚI QUẢ VÀI THIÊU TƯƠI CỦA VIỆT NAM

Theo Phụ lục 71 trong Bảng 2 của Pháp lệnh về Giám sát thực hiện Đạo luật về Bảo vệ thực vật của Nhật Bản (Pháp lệnh 73, Bộ Nông - Lâm nghiệp, 1950), việc thực hiện các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với quả vài Thiêu tươi của Việt Nam được quy định tại Thông báo số 1634 của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản ngày 13/12/2019 (dưới đây gọi tắt là Thông báo), và được áp dụng như sau:

#### 1. Quy định về trang thiết bị khử trùng

Khu vực khử trùng và trang thiết bị, theo quy định tại mục 3 của Thông báo, phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- (1) Buồng khử trùng phải đủ kín khí để duy trì nồng độ khí thuốc trong quá trình khử trùng;
- (2) Buồng khử trùng được thiết kế để có thể đo được nồng độ khí thuốc trong khu vực khử trùng từ bên ngoài;
- (3) Có thiết bị để đảo khí giúp cân bằng nồng độ khí thuốc bên trong buồng khử trùng, và thiết bị để thông thoáng thuốc ngay sau khi kết thúc quá trình khử trùng;
- (4) Có thiết bị đo nồng độ thuốc Methyl Bromide;
- (5) Buồng khử trùng có gắn thiết bị đo nhiệt độ và theo dõi nhiệt độ từ bên ngoài.

#### 2. Quy định về đóng gói

- (1) Bao bì đóng gói nếu có lỗ thoáng thì lỗ thoáng phải được che kín bằng lưới có đường kính mắt lưới nhỏ hơn 1,6mm;
- (2) Quả sau khi xử lý có thể đóng gói lại trong hộp kín để bảo quản lạnh trong quá trình vận chuyển (dưới sự giám sát của chuyên gia kiểm dịch thực vật Nhật Bản). Nếu quả đã qua xử lý được đóng gói lại, thì sẽ được thực thực hiện tại cơ sở đóng gói đáp ứng các điều kiện sau:



- i. Mọi lỗ thông hơi phải được che bằng lưới (mắt lưới tối đa 1,6mm) để ngăn chặn lây nhiễm ruồi đục quả.
- ii. Cơ sở đóng gói chỉ phục vụ việc đóng gói quả vải đã qua xử lý.
- iii. Cơ sở đóng gói phải được xử lý khử trùng hàng năm trước khi đưa vào sử dụng và khi có yêu cầu.

### 3. Kiểm tra tại khu vực khử trùng

- (1) Để được công nhận đủ điều kiện thực hiện khử trùng quả vải Thiếu xuất khẩu thì buồng khử trùng phải đáp ứng điều kiện nêu trong mục 1, mỗi năm cán bộ kiểm dịch thực vật Nhật Bản sẽ phải tiến hành khảo sát trước khi sử dụng buồng khử trùng đó. Tuy nhiên, nếu thấy cần thiết thì cán bộ kiểm dịch thực vật có thể khảo sát vào bất cứ lúc nào trong quá trình sử dụng.
- (2) Về nguyên tắc, việc khảo sát theo quy định tại mục (1) nêu trên sẽ được cán bộ kiểm dịch thực vật Nhật Bản thực hiện cùng cán bộ của Cục Bảo vệ thực vật với mục đích chỉ định đơn vị thực hiện khử trùng vải tươi xuất sang Nhật Bản.
- (3) Việc chứng nhận ở mục (1) bao gồm kiểm tra độ kín của buồng khử trùng được thực hiện bằng một trong các phương pháp sau:
  - i. Khử trùng khi khu vực khử trùng rỗng, với liều 10g Methyl Bromide/m<sup>3</sup> thể tích bên trong buồng khử trùng, và đo nồng độ thuốc tại 3 điểm (trên, giữa và dưới) sau 48h. Áp dụng giá trị trung bình là 70% lượng Methyl Bromide sử dụng trở lên.
  - ii. Tăng áp suất bên trong khu vực khử trùng lên 500 Pascal, xác nhận độ kín khi thời gian áp suất xuống còn 50 Pascal là 22s trở lên.
  - iii. Tăng áp suất trong khu vực khử trùng lên 250 Pascal, xác nhận độ kín khi thời gian áp suất xuống còn 50 Pascal là 60s trở lên.

### 4. Xác nhận việc xử lý và kiểm dịch thực vật

- (1) Xác nhận việc xử lý

Mục 3 của Thông báo quy định xác nhận việc xử trùng, về nguyên tắc, cán bộ kiểm dịch thực vật của Nhật Bản sẽ phải phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật của Việt Nam để xác nhận

các nội dung sau:

- i. Xác nhận rằng công tác khử trùng đã được thực hiện trong khoảng thời gian xác định đúng liều và nhiệt độ theo quy định.
- ii. Đảm bảo rằng lượng quả vải tươi xử lý không vượt quá 34,8% thể tích buồng khử trùng và được sắp xếp để không cản trở quá trình cân bằng hơi thuốc khử trùng.
- iii. Đảm bảo thuốc được lưu thông trong quá trình khử trùng.

(2) Xác nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu

- i. Xác nhận việc kiểm dịch thực vật nêu được thực hiện đúng quy định trong đó cán bộ kiểm dịch thực vật Việt Nam kiểm tra đối với hơn 5% thùng hàng, và xác nhận rằng vải Thiều tươi xuất khẩu không nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đặc biệt là ruồi đục quả *B. dorsalis*
- ii. Khi xác nhận kiểm dịch thực vật như nêu trong phần (i) ở trên, nếu phát hiện có *B. dorsalis* thì cán bộ kiểm dịch thực vật Nhật Bản sẽ cùng Cục bảo vệ thực vật kiểm tra nguyên nhân và tạm dừng hoạt động xác nhận việc xử lý khử trùng cho tới xác định được nguyên nhân.

- (3) Khi xác nhận như nêu trong phần 4-(1) là công tác khử trùng đã được thực hiện đúng quy định và không có đối tượng kiểm dịch như nêu trong phần (i) ở trên, cán bộ kiểm dịch thực vật Nhật Bản sẽ ký tên bên lề của Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cục Bảo vệ thực vật cấp cho lô quả vải Thiều xuất khẩu.

## 5. Ghi nhãn Labeling

Theo quy định, nhãn phải được dán hoặc in ở vị trí dễ nhìn thấy, chẳng hạn như cạnh bao bì và có các thông tin:

(1) Ghi biện pháp kiểm dịch thực vật

Display of end of export phytosanitary measure

i. PLANT QUARANTINE VIETNAM

ii. PLANT QUARANTINE

VIETNAM

(2) Ghi điểm đến

Display of destination

i. FOR JAPAN

ii. 日本

## 6. Kiểm dịch nhập khẩu

- (1) Cán bộ kiểm dịch Nhật Bản sẽ tiến hành kiểm dịch thực vật tại cảng đến, qua đó xác nhận vải nhập khẩu và Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cục Bảo vệ thực vật cấp.
- (2) Trong trường hợp không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, chưa có xác nhận của cán bộ kiểm dịch, chưa được đóng dấu, không ghi nhãn theo quy định, hoặc nếu bao bì bị rách, cán bộ kiểm dịch Nhật Bản sẽ yêu cầu chủ hàng hoặc người đại diện tiêu huỷ hoặc tái xuất lô hàng.
- (3) Đối với quy trình và phương pháp kiểm dịch thực vật nhập khẩu ngoài mục (1) và (2) nói trên, sẽ áp dụng Quy định kiểm dịch thực vật nhập khẩu (Thông báo số 26 của Bộ Nông - Lâm nghiệp Nhật Bản ngày 8/7/1950)
- (4) Trong trường hợp phát hiện có ruồi *B. dorsalis*, cán bộ kiểm dịch Nhật Bản sẽ thực hiện các biện pháp sau:
  - i. Yêu cầu chủ hàng hoặc người đại diện tiêu huỷ lại hoặc tái xuất toàn bộ lô hàng.
  - ii. Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật Việt Nam điều tra nguyên nhân nhiễm *B. dorsalis* và tạm dừng nhập khẩu cho tới khi làm rõ nguyên nhân.

